

LỊCH HƯỚNG DẪN SINH VIÊN THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 1, 2
HỌC KỲ 02, NĂM 2024
BẬC ĐẠI HỌC - CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

Lưu ý :

- Sinh viên chủ động liên hệ với giảng viên hướng dẫn ngay từ buổi đầu tiên của lịch trình làm việc ;
- Thời gian bắt đầu thực hiện từ Tuần 26 đến hết Tuần 31 (Từ ngày 24/6/2024 đến ngày 04/8/2024) ;

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần	Tên học phần	Chương trình	Lịch hướng dẫn sinh viên								Lĩnh vực đề tài đăng ký thực hiện
									Nhóm	Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	2021004333	Đặng Ngọc Hiếu	Hạnh	20DKQ1	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	
2	2121002160	Đoàn Duy	Tân	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Các lĩnh vực, nghiệp vụ khác
3	2121008120	Nguyễn Thị Trúc	Ly	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
4	2121008309	Tiêu Đoàn Mỹ	Linh	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
5	2121008322	Đỗ Thu	Hương	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
6	2121008380	Nguyễn Thị Mỹ	An	21DKQ1	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	
7	2121012372	Trần Biện Văn	Anh	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
8	2121012564	Lê Nguyễn Thảo	Trần	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
9	2121012799	Nguyễn Thị Mộng	Thúy	21DKQ2	010102	2421101010201	Thực hành nghề nghiệp 1 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
10	2121002199	Trần Dương Nhã	Bình	21DTM2	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
11	2121002201	Trần Lê Hương	Huyền	21DTM1	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
12	2121007989	Phạm Thị Hạ	My	21DTM1	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
13	2121008110	Dương Đạt	Duy	21DTM1	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
14	2121008122	Nguyễn Thị Hải	Lý	21DTM2	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
15	2121008140	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm	21DTM1	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
16	2121008179	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21DTM2	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
17	2121008402	Đỗ Vũ Khánh	Đan	21DTM2	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
18	2121011071	Nguyễn Thiên	An	21DTM1	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế

19	2121012046	Phan Lê Khải	Vi	21DTM1	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch thương mại quốc tế
20	2121013059	Lê Thanh Khả	Vy	21DTM2	010103	2421101010301	Thực hành nghề nghiệp 1 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
21	2121011507	Nguyễn Minh	Tiến	21DLG2	011107	2421101110701	Thực hành nghề nghiệp 1 (Logistics)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
22	2121012137	Võ Thị Nhật	Linh	21DLG2	011107	2421101110701	Thực hành nghề nghiệp 1 (Logistics)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
23	2121011507	Nguyễn Minh	Tiến	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
24	2121012137	Võ Thị Nhật	Linh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
25	2021008947	Đàm Vũ Phương	Oanh	20DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	
26	1921001494	Chu Gia	Hân	19DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	
27	2121012293	Phạm Thụy Khánh	Hòa	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
28	2121008322	Đỗ Thu	Hương	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
29	2121012170	Hồ Nguyễn Khánh	Linh	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
30	2121012372	Trần Biện Vân	Anh	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
31	2121012799	Nguyễn Thị Mộng	Thúy	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
32	2121002199	Trần Dương Nhã	Bình	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thương mại điện tử trong kinh doanh
33	2121008026	Nguyễn Thị Yến	Ngân	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thanh toán quốc tế
34	2121008202	Trần Thị Tiểu	Tinh	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	1	Nguyễn Trần Tú Anh	NV1099	5	11	26	TN-C.104	TN	Thanh toán quốc tế
1	2121002165	Trần Thị Ngọc	Trâm	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
2	2121008018	Đặng Thị Yến	Trâm	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
3	2121008120	Nguyễn Thị Trúc	Ly	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
4	2121008156	Trần Mạnh	Lộc	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
5	2121008201	Nguyễn Nữ Như	Quỳnh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
6	2121008204	Trần Hồng	Ngoan	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
7	2121008252	Nguyễn Thị	Trâm	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
8	2121008309	Tiêu Đoàn Mỹ	Linh	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
9	2121011951	Hà Quý	Ngọc	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
10	2121012638	Nguyễn Thị Quỳnh	Thương	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
11	2121013039	Lê Ngọc	Hữu	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT

12	2121013362	Vô Trần Tú	Tiên	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
13	2121013473	Mạch Đặng Kỳ	Duyên	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
14	2121013636	Đặng Lê Diễm	Quỳnh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
15	2121002108	Nguyễn Thị Ái	Vân	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
16	2121002127	Nguyễn Trọng	Khải	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
17	2121002156	Mai Thị Linh	Chi	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
18	2121002186	Lê Thị	Vinh	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
19	2121002190	Nguyễn Thị Như	Trình	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
20	2121007989	Phạm Thị Hạ	My	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
21	2121008027	Lê Khánh	Ly	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
22	2121008070	Phạm Nguyễn Huỳnh	Như	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
23	2121008082	Lâm Quốc	Hiếu	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
24	2121008093	Phùng Thị Kiều	My	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
25	2121008102	Nguyễn Băng	Châu	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
26	2121008119	Nguyễn Thị Kiều	My	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
27	2121008122	Nguyễn Thị Hải	Lý	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
28	2121008137	Đào Thị Ngọc	Nhi	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
29	2121008140	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
30	2121008145	Đỗ Văn	Minh	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
31	2121002151	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
32	2121008042	Vũ Phương	Duyên	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
33	2121008048	Nguyễn Phương	Trúc	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	2	Trần Thị Ngọc Phương	NV4017	5	11	26	TN-C.005	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
1	2021008989	Trần Huyền	Trang	20DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
2	2121002100	Lê Quốc	Thái	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
3	2121008391	Nguyễn Vũ Kim	Hòa	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
4	2121008402	Đỗ Vũ Khánh	Đan	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT

5	2121012023	Lê Thu	Trang	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
6	2121012046	Phan Lê Khải	Vi	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
7	2021008864	Huỳnh Thị Lê	Hằng	20DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
8	2121012941	Bùi Thị Ngọc	Ánh	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
9	2121013055	Trần Thị Trà	Ly	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
10	2121013059	Lê Thanh Khả	Vy	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
11	2121013356	Phan Thị Thủy	Tiên	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
12	2121013386	Phạm Nguyễn Minh	Thư	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
13	2121013641	Lâm Nguyễn Cẩm	Quỳnh	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
14	2121013710	Nguyễn Thị Thu	Phương	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
15	2121013825	Dương Thị Mỹ	Linh	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
16	2121002092	Hương Thị Thủy	Dung	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
17	2121002198	Hồ Trần Như	Quỳnh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
18	2121007984	Phạm Minh	Thùy	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
19	2121008044	Nguyễn Lê Tổ	Nhi	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
20	2121008092	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
21	2121008100	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
22	2121008147	Đỗ Thị Mỹ	Oanh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
23	2121008175	Nguyễn Thu	An	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
24	2121008185	Nguyễn Gia Bảo	Vy	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
25	2121008200	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
26	2121008220	Nguyễn Võ Hải	Yến	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
27	2121013574	Nguyễn Vy	Quý	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
28	2121013759	Thái Thị Yến	Linh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
29	2121008174	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
30	2121008179	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
31	2121008215	Nguyễn Thúy	Vy	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT

32	2121012724	Đoàn Nguyễn Phục	Hưng	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Marketing quốc tế
33	2121011534	Hà	My	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	3	Lê Thị Giang	NV1251	7	11	26	TN-C.005	TN	Marketing quốc tế
1	2121008246	Trần Phúc	Ngân	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
2	2121008296	Trần Thị Ngọc	Yến	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
3	2121008312	Nguyễn Lê Gia	Hân	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
4	2121008320	Hồ Như	Lai	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
5	2121008337	Hồ Quế	Ngân	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
6	2121008367	Huỳnh Lê Khánh	Như	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
7	2121008374	Phan Thị Thủy	Thanh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
8	2121011079	Nguyễn Tuấn	Khoa	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
9	2121011626	Nguyễn Thị Trường	Diễm	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
10	2121011642	Phạm Thị	Điu	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
11	2121011796	Phạm Hương	Giang	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
12	2121011981	Nguyễn Quốc Gia	Huy	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
13	2121012460	Nguyễn Đông Như	Quỳnh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
14	2121012785	Nguyễn Phương Cẩm	Tú	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
15	2121012887	Nguyễn Minh	Chiến	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
16	2121013018	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
17	2121013262	Trần Đặng Ngọc	Nga	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
18	2121008243	Đào Kim	Khánh	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
19	2121008271	Trần Thị Kim	Chung	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
20	2121008305	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	4	Đoàn Minh Phương	NV4031	5	11	26	TN-C.102	TN	Giao dịch TM quốc tế và đàm phán trong kinh doanh QT
1	2121011960	Lê Thị Hồng	Ngọc	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị chuỗi cung ứng
2	2121012305	Hà Hải	Hoàng	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
3	2121012528	Phạm Quốc	Khánh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị chuỗi cung ứng

4	2121013497	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
5	2121008154	Hồ Trọng	Nhân	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
6	2121008345	Trần Dương Bảo	Đăng	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
7	2121012413	Lê Trương Xuân	Nguyễn	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị chuỗi cung ứng
8	2121013527	Nguyễn Kiều Ngọc	Bích	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
9	2121013618	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
10	2121002095	Phan Nguyễn Hồng	Lam	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
11	2121002099	Lê Đức	Phú	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
12	2121002106	Nguyễn Thị Trúc	Duyên	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
13	2121002118	Trương Bình Cẩm	Xuyên	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
14	2121002121	Trương Ngọc	Diễm	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
15	2121002129	Phạm Thị Kim	Thoa	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
16	2121002148	Nguyễn Thị Hoài	Như	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
17	2121002159	Ngô Minh	Thư	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
18	2121002179	Lê	Thuận	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
19	2121002185	Nguyễn Sỹ Quốc	Mạnh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
20	2121008010	Phạm Thị Phương	Dung	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
21	2121008029	Phan Trần Khánh	Văn	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
22	2121008047	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
23	2121008061	Huỳnh Minh	Tuấn	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
24	2121008080	Nguyễn Ngọc	Trần	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
25	2121008096	Bùi Thị Hồng	Thắm	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
26	2121008115	Mai Thị Cẩm	Tú	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
27	2121008117	Vũ Ngọc Vân	My	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
28	2121008143	Trần Thị Kim	Ngân	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
29	2121008180	Đặng Phương	Mai	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
30	2121008285	Hà Thị Thu	Hương	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tố Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics

31	2121008327	Trần Thị Bích	Mân	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tổ Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị chuỗi cung ứng
32	2121008328	Đinh Thị Kiều	Trâm	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tổ Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
33	2121002093	Mai Thị Tú	Nhi	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tổ Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
34	2121002112	Phùng Minh	Thư	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tổ Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
35	2121002126	Trần Xuân	Huy	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	5	Bùi Thị Tổ Loan	NV1091	3	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
1	2121008356	Trần Thị Thanh	Lộc	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
2	2121008364	Phan Trần Ngọc	Hân	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
3	2121008392	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
4	2121011528	Trần Lan	Nhi	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
5	2121011578	Phạm Tú	Trình	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
6	2121011628	Trần Lê Thúy	Diễm	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
7	2121011670	Nguyễn Thị Thanh	Bình	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
8	2121011715	Huỳnh Ý	Ngân	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
9	2121012178	Lâm Nhật	Linh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
10	2121012185	Lê Thị Thùy	Linh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
11	2121012397	Nguyễn Võ Bích	Trâm	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
12	2121012411	Lê Thị Thảo	Nguyên	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
13	2121012623	Phạm Thị Thanh	Ngân	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị logistics
14	2121012882	Tổng Quỳnh	Chi	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
15	2121013480	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
16	2121013580	Huỳnh Thị Mỹ	Quỳnh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
17	2121013699	Bùi Thị	Thúy	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
18	2121013709	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
19	2121013846	Nguyễn Hoàng	Vinh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
20	2121013907	Nguyễn Duy	Bình	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị Logistics
21	2121008349	Lê Thị Tường	Vi	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Các lĩnh vực, nghiệp vụ khác

22	2121008400	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Các lĩnh vực, nghiệp vụ khác
23	2121008149	Trần Ngọc	Trang	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
24	2121008234	Nguyễn Đoàn Mai	Ry	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
25	2121008385	Trần Ngọc Ánh	Linh	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
26	2121011071	Nguyễn Thiên	An	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
27	2121011724	Lê Trần Kim	Ngân	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
28	2121011942	Nguyễn Thị Huyền	Trần	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
29	2121012066	Lê Hoàng Uyển	Như	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
30	2121012546	Nguyễn Khải	An	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
31	2121012618	Phạm Bảo	Ngân	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
32	2121012663	Huỳnh Thu	Phương	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
33	2121012824	Nguyễn Thị Thúy	Phi	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
34	2121013004	La Thị Kim	Luyến	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
35	2121008253	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	6	Trương Thị Thúy Vĩ	989	4	11	26	TN-C.104	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
1	2121007621	Nguyễn Hoàng	Tới	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
2	2121008196	Lê Thị Ngọc	Châu	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
3	2121008197	Nguyễn Thị Bích	Ngân	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
4	2121008235	Trần Lê Huỳnh	Anh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
5	2121008380	Nguyễn Thị Mỹ	An	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
6	2121011573	Nguyễn Phan Phương	Trình	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
7	2121011804	Hoàng Thị	Gấm	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế
8	2121012637	Nguyễn Thị Huyền	Thương	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
9	2121012885	Trương Đình Quế	Chi	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
10	2121013162	Nguyễn Mỹ Khánh	Hân	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
11	2121013323	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
12	2121013610	Nguyễn Đăng Phương	Anh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu

13	2121002201	Trần Lê Hương	Huyền	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
14	2121008359	Vô Trần Bảo	Ngọc	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
15	2121012236	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
16	2121012624	Vân Ngọc Anh	Thư	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
17	2121013260	Nguyễn Thúy	Nga	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
18	2121008293	Lương Ngọc Thúy	Cúc	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
19	2121013126	Vô Trần Diệu	Lanh	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
20	2121013212	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
21	2121013355	Phan Thị Nguyễn	Tiến	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
22	2121013409	Nguyễn Thị Thu	Hường	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Phân tích hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu
23	2121013267	Lê Thị Ánh	Ngà	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
24	2121013352	Nguyễn Thị Thủy	Tiến	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
25	2121013413	Bùi Thị Thanh	Hương	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
26	2121008255	Vô Thị Như	Ngọc	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
27	2121008264	Nguyễn Thị Hồng	Phương	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
28	2121008317	Đinh Thụy Như	Quỳnh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
29	2121008354	Lâm Thị Hồng	Thúy	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
30	2121008372	Bùi Thị Anh	Thư	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
31	2121011062	Đinh Ngọc Hân	Hân	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
32	2121011754	Huỳnh Vĩ	Khang	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
33	2121002142	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
34	2121002143	Nguyễn Thiên	Tú	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
35	2121002111	Khuru Huệ	Bảo	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	7	Hoàng Sĩ Nam	NV1304	4	11	26	TN-C.102	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
1	2121002160	Đoàn Duy	Tân	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
2	2121002184	Đặng Thị Yến	Nhi	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
3	2121002200	Hồng Thạch	Thảo	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu

4	2121008058	Nguyễn Lê Thiên	Trúc	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
5	2121008104	Võ Thị Yến	Nhi	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
6	2121008142	Vũ Hoài	Tiến	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
7	2121008231	Ngô Mỹ	Duyên	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
8	2121008304	Vũ Chấn Bảo	Linh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
9	2121008336	Trần Nguyễn Anh	Thi	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
10	2121008382	Võ Thị Tuyết	Trinh	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
11	2121008399	Trần Thị Thanh	Dung	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
12	2121011609	Vũ Thị	Hạnh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
13	2121011652	Trần Phạm Mai	Thi	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
14	2121011870	Đỗ Đạt	Nhi	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
15	2121011905	Lý Nguyễn	Thảo	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
16	2121012161	Đỗ Lê Trúc	Linh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
17	2121012195	Vòng Thị Thu	Thảo	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
18	2121012386	Vũ Thái	Tuấn	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
19	2121012458	Mạnh Thị Diễm	Quỳnh	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
20	2121012564	Lê Nguyễn Thảo	Trần	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
21	2121013243	Nguyễn Hà Minh	Khoa	21DKQ2	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
22	2121013331	Lê Thị Kim	Hồng	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
23	2121013761	Tô Thị Mai	Linh	21DKQ1	010104	2421101010401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Quản trị kinh doanh quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
24	2121002113	Võ Thanh	Thảo	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
25	2121002135	Nguyễn Thị Phương	Trinh	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
26	2121008020	Thái Thị Thanh	Ngân	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
27	2121008052	Mai Thủy	Ngân	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
28	2121008091	Trần Thị Hồng	Hạnh	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
29	2121008110	Dương Đạt	Duy	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
30	2121008209	Đặng Nguyễn Phương	Thảo	21DTM2	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu

31	2121008294	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
32	2121008335	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	21DTM1	010105	2421101010501	Thực hành nghề nghiệp 2 (Thương mại quốc tế)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
33	2121012270	La Thị Trúc	Xuân	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
34	2121012524	Nguyễn Minh	Khánh	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
35	2121013616	Nguyễn Thị Thu	Trang	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
36	2121008132	Đoàn Cao	Kỳ	21DLG2	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu
37	2121008134	Nguyễn Thị Thanh	Thư	21DLG1	011114	2421101111401	Thực hành nghề nghiệp 2 (Logistics)	Chuẩn	8	Nguyễn Thị Huyền	NV1090	7	11	26	TN-C.101	TN	Quản trị nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu

Tổng số danh sách: 262 sinh viên

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 6 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Nguyễn Xuân Hiệp